TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2024/HS-ST**
Ngày 11/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Xuân Dự và bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2024, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2024/TLST-HS ngày 16/8/2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HS, ngày 29/8/2024 đối với:

1. Các bị cáo:

1.1. Bị cáo **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1996, tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi ĐKHKTT: K, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi tạm trú: xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, con bà: Phạm Thị C; vợ: Nguyễn Thị P và có 01 con, sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 07/12/2023, chuyển tạm giam từ ngày 15/12/2023 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện K. Ngày 23/12/2023 điều chuyển đến tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Ninh Bình "có mặt tại phiên tòa".

Người bào chữa cho bị cáo: ông Phan Tiến M - Luật sư Văn phòng Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình "có mặt".

1.2. Bị cáo **Phan Văn S**, sinh năm 1996, tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn V, con bà: Nguyễn Thị K; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú "có mặt tại phiên tòa".

2. Bị hại:

2.1. Chị Mai Thị X, sinh năm 1993; nơi cư trú trước khi chết: khối A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật và theo ủy quyền: anh Trần Văn T1, sinh năm 1990; nơi cư trú: khối A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình (theo văn bản ủy quyền ngày 28/6/2024) "có mặt".

2.2. Chị Lương Thị G, sinh năm 1995; nơi cư trú trước khi chết: xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: anh Phan Văn C1, sinh năm 1993; nơi cư trú: xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; bà Đỗ Thị X1, sinh năm 1972 và anh Lương Thế D, sinh năm 1991; đều cư trú: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa "có mặt".

2.3. Anh Trần Văn C2, sinh năm 1986; nơi cư trú: xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Người đại diện theo ủy quyền: anh Trần Văn L1, sinh năm 1980; nơi cư trú: xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình (theo văn bản ủy quyền ngày 26/02/2024) "có mặt".

2.4. Bà Lê Thị N, sinh năm 1954; nơi cư trú: xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình "có mặt".

2.5. Anh Trần Văn T2, sinh năm 1995; nơi cư trú: xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình "có mặt".

2.6. Bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1956; nơi cư trú: xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình "có mặt".

2.7. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1989; nơi cư trú: xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình "có mặt".

2.8. Anh Trần Văn L1, sinh năm 1980; nơi cư trú: xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình "có mặt".

2.9. Ông Đinh Văn T4, sinh năm 1953; nơi cư trú: xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình "có mặt".

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

3.3.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; nơi cư trú: khối A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình "có mặt".

3.3.2. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1973; nơi cư trú: khối A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình "có mặt".

3.3.3. Anh Vũ Minh Đ, sinh năm 2001; nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam "vắng mặt".

3.3.4. Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 2005; nơi cư trú: thôn E, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam "vắng mặt".

3.3.5. Anh Hứa Xuân A1, sinh năm 2000; nơi cư trú: thôn B, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình "vắng mặt".

3.3.6. Anh Lâm Phước N1, sinh năm 1999; nơi cư trú: khóm F, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau "vắng mặt".

3.3.7. Anh Trần Thanh D1, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau "vắng mặt".

3.3.8. Anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 1998; nơi cư trú: Số A, ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau "vắng mặt".

3.3.9. Anh Nguyễn Hữu T5, sinh năm 2006; nơi cư trú: xóm N, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi "vắng mặt".

3.3.10. Anh Nguyễn Văn T6, sinh năm 2006; nơi cư trú: xóm T, thôn E, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi "vắng mặt".

3.3.11. Anh Nguyễn Văn H sinh năm 1997; nơi cư trú: xóm P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi "vắng mặt".

3.3.12. Anh Hồ Văn N2; nơi cư trú: tổ E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk "vắng mặt".

3.3.13. Anh Nguyễn Quốc K1, sinh năm 2008; nơi cư trú: tTổ E, Phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk "vắng mặt".

3.3.14. Anh Nguyễn Xuân T7 sinh năm 2007; nơi cư trú: tổ C, Phường P, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk "vắng mặt".

3.3.15. Anh Phạm Minh M2, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp "vắng mặt".

3.3.16. Anh Phạm Thanh H1, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang "vắng mặt".

3.3.17. Anh Nguyễn Quang T8, sinh năm 2009; nơi cư trú: xã L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên "vắng mặt".

3.3.18. Anh Phạm Đỗ Đăng K2, sinh năm 2009; nơi cư trú: phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên "vắng mặt".

3.3.19. Anh Khuất Quang H2, sinh năm 1988; nơi cư trú: xóm L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên "vắng mặt".

3.3.20. Anh Trần Ngọc H3, sinh năm 2001; nơi cư trú: thôn L, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên "vắng mặt".

3.3.21. Anh Điểu H4, sinh năm 2004; nơi cư trú: bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông "vắng mặt".

3.3.22. Anh Nguyễn Thế P1, sinh năm 2009; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang "vắng mặt".

3.3.23. Anh Lê Hoàng T9, sinh năm 2003; nơi cư trú: phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang "vắng mặt".

3.3.24. Anh Phạm Hoàng N3, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp M, xã M, thị trấn C, tỉnh Tiền Giang "vắng mặt".

3.3.25. Anh Châu Quốc H5 sinh năm 2007; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang "vắng mặt".

3.3.26. Anh Nguyễn Tiến T10, sinh năm 1992; nơi cư trú: khu D, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ "vắng mặt".

32.3.27. Anh Trần Bá N4, sinh năm 1998; nơi cư trú: khu V, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ "vắng mặt".

3.3.28. Anh Phan Tiến D2, sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình "vắng mặt".

3.3.29. Anh Phạm Văn H6, sinh năm 2002; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình "vắng mặt".

3.3.30. Anh Lê Hồng P2, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình "vắng mặt".

3.3.31. Anh Hồ Gia T11 sinh năm 2012; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ "vắng mặt".

3.3.32. Anh Dương Triều V1 sinh năm 2001; nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ "vắng mặt".

3.3.33. Anh Nguyễn Thái H7, sinh năm 2007; nơi cư trú: tổ A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh "vắng mặt".

3.3.34. Anh Lê Hoàng N5, sinh năm 2008; nơi cư trú: thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh "vắng mặt".

3.3.35. Anh Nguyễn Duy K3, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng "vắng mặt".

3.3.36. Anh Nguyễn Mai Chí T12, sinh năm 2010; nơi cư trú: thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng "vắng mặt".

3.3.37. Anh Kra Jan S1, sinh năm 1990; nơi cư trú: số nhà B, đường Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng "vắng mặt".

3.3.38. Anh Nguyễn Phú H8, sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ H, xã D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng "vắng mặt".

3.3.39. Anh Lương Anh K4, sinh năm 2009; nơi cư trú: tổ D, thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng "vắng mặt".

3.3.40. Anh Hoàng Hữu N6, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ C, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng "vắng mặt".

3.3.41. Anh Nguyễn Hoàng H9, sinh năm 1997; nơi cư trú: số A T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng "vắng mặt".

3.3.42. Anh Phan Ngọc Đ1, sinh năm 2000; nơi cư trú: thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng "vắng mặt".

3.3.43. Anh Lý Lê Thanh T13, sinh năm 2002; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng "vắng mặt".

3.3.44. Anh Trần Hồng K5, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng "vắng mặt".

3.3.45. Anh Tăng Phúc Hồng V2, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn F, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng "vắng mặt".

3.3.46. Anh Phạm Văn T14, sinh năm 2004; nơi cư trú: thôn I, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng "vắng mặt".

3.3.47. Anh Hoàng Trung K6, sinh năm 2002; nơi cư trú: Bản Mủng, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai "vắng mặt".

3.3.48. Anh Nguyễn Ngọc Anh N7, sinh năm 2010; nơi cư trú: khu phố E, phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận"vắng mặt".

3.3.49. Anh Nguyễn Duy N8, sinh năm 2007; nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận "vắng mặt".

3.3.50. Anh Nguyễn Văn P3, sinh năm 2000; nơi cư trú: khu phố F, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận "vắng mặt".

3.3.51. Anh Huỳnh Quang L2, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận "vắng mặt".

3.3.52. Anh Dương Trung T15, sinh năm 2000; nơi cư trú: thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận "vắng mặt".

3.3.53. Anh Sái Việt T16, sinh năm 2011; nơi cư trú: thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn "vắng mặt".

3.3.54. Anh Phan Ngọc H10, sinh năm 1999; nơi cư trú: tổ C, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên "vắng mặt".

3.3.55. Anh Nguyễn Xuân H11, sinh năm 2002; nơi cư trú: tổ T, thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên "vắng mặt".

3.3.56. Anh Nguyễn Thành T17, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên "vắng mặt".

3.3.57. Anh Nguyễn Văn C4, sinh năm 1999; nơi cư trú: tổ A, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên "vắng mặt".

3.3.58. Anh Quảng Trọng D3, sinh năm 2000; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu "vắng mặt".

3.3.59. Anh Nguyễn Thanh Đ2, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp A, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu "vắng mặt".

3.3.60. Anh Đào Quốc T18, sinh năm 2010; nơi cư trú: tổ A, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh "vắng mặt".

3.3.61. Anh Phí An P4, sinh năm 2010; nơi cư trú: KV T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định "vắng mặt".

3.3.62. Anh Đặng Thành T19., sinh năm 2008; nơi cư trú: phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định "vắng mặt".

3.3.63. Anh Mai Chí C5, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định "vắng mặt".

3.3.64. Anh Lê Minh Đ3, sinh năm 1988; nơi cư trú: phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định "vắng mặt".

3.3.65. Anh Huỳnh Phương T20, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh "vắng mặt".

3.3.66. Anh Đặng Quốc G1, sinh năm 2002; nơi cư trú: tổ A, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum "vắng mặt".

3.3.67. Anh Trịnh Minh H12, sinh năm 2003; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai "vắng mặt".

3.3.68. Anh Đinh Phú V3, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre "vắng mặt".

3.3.69. Anh Đỗ Thành TÂM, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre "vắng mặt".

3.3.70. Anh Mai Văn Phú Q, sinh năm 2003; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre "vắng mặt".

3.3.71. Anh Lê Vũ T22, sinh năm 2000; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre "vắng mặt".

4. Người làm chứng: chị Trần Thị H13; ông Trần Văn P5; chị Phạm Thị L3; anh Nguyễn Văn D4; anh Đinh Văn T23 "vắng mặt"; chị Lê Thị N9 "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mạng xã hội Facebook, Nguyễn Văn L biết cách chế tạo pháo nổ nên khoảng cuối tháng 10/2023, L nảy sinh ý định sản xuất, chế tạo pháo nổ để bán kiếm lời. L đăng nhập tài khoản Facebook tên "Nguyễn Văn L", vào nhóm "Đam mê chế pháo" đặt mua 0,5kg thuốc pháo nổ và các phụ kiện để chế tạo pháo gồm: dây cháy chậm để làm ngòi pháo, vỏ pháo (quả bóng hình cầu nhiều màu sắc bằng nhựa đường kính 2,2 cm và 2,8 cm), băng dính để quấn vỏ pháo, thìa nhựa, thiệp cảm ơn. Sau khi chế tạo thành công pháo nổ, L sử dụng điện thoại để quay video hướng dẫn cách thức chế tạo pháo nổ, đăng quảng cáo lên mạng xã hội Facebook bằng tài khoản

“Phao Banh”; TikTok bằng tài khoản “bam bam shop” với ID “Pháo 86”. L sử dụng tài khoản TikTok để đăng nhập vào ứng dụng Seller Center để tạo shop bán hàng. Khi có người đặt mua hàng, hệ thống TikTok sẽ thông báo cho L biết và gửi hóa đơn bán hàng qua ứng dụng Seller Center. Sau đó căn cứ vào hóa đơn bán hàng, L in hóa đơn, đóng gói hàng giao cho khách đặt mua hàng thông qua dịch vụ giao hàng mà sàn thương mại điện tử TikTok shop thông báo.

L bán thuốc pháo nổ và các chi tiết chế tạo pháo theo 03 combo 20, 50 và 100 quả pháo gồm túi zíp có chứa thuốc pháo, vỏ pháo có gắn dây cháy chậm, 01 cuộn băng dính màu đen để bọc gắn vỏ pháo, 01 thìa nhựa để xúc thuốc pháo vào vỏ pháo, 01 thiệp cảm ơn. Tỷ lệ chia thuốc pháo vào vỏ pháo là 02 gam thuốc pháo/1quả pháo.

Ngày 16/11/2023, L thuê nhà của anh Trần Văn C2, sinh năm 1986 ở xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình để làm địa điểm sản xuất pháo nổ. Do số lượng người mua nhiều nên L đã thuê chị Mai Thị X, sinh năm 1993; trú tại: khối A, thị trấn B và chị Lương Thị G, sinh năm 1995; trú tại: xóm A, xã K, huyện K thực hiện việc đong thuốc pháo vào các túi zip, gắn dây cháy chậm vào vỏ pháo, đóng gói hàng vào các hộp bìa catton để L dán mã đơn hàng gửi đi cho khách mua hàng. Ngoài ra, L còn nhờ bố mẹ của mình là ông Nguyễn Văn T sinh năm 1970 và bà Phạm Thị C sinh năm 1973 trú tại khối A, thị trấn B, huyện K gắn dây cháy chậm vào vỏ pháo. Trong quá trình làm việc, L dặn chị X và chị G chú ý cẩn thận không để xảy ra cháy, nổ và hướng dẫn cân thuốc pháo vào các túi zíp theo tỷ lệ đã định. Tuy nhiên, L không trang bị các thiết bị cũng như hệ thống để đảm bảo an toàn cháy nổ.

Ngày 04/12/2023, sau khi mua được 20kg thuốc pháo nổ với giá 8.000.000 đồng trên mạng xã hội, L tiếp tục giao cho chị X và chị G chia thuốc pháo vào các túi zip để L bán cho khách. Buổi chiều ngày 07/12/2023, L tiếp tục mua 10kg thuốc pháo nổ trên mạng xã hội Facebook với giá 4.000.000 đồng và giao cho chị X, chị G đóng gói tại vị trí gian bếp, L ở trong gian phòng ngủ để thực hiện việc giao dịch đơn hàng trên máy tính, ngoài ra còn có cháu Phan Hoàng P6, sinh năm 2019 con trai của chị G đang chơi ở hành lang. Quá trình chị X và chị G chia thuốc pháo thì xảy ra cháy và phát nổ. Sau khi sự việc xảy ra, L đã rời khỏi hiện trường, sau đó đến Công an huyện K đầu thú.

Hậu quả: Chị Mai Thị X và chị Lương Thị G bị tử vong; cháu Phan Hoàng P6 bị thương; Nhà và tài sản của các gia đình anh Trần Văn C2; anh Trần Văn T2, sinh năm 1995; ông Đinh Văn T4, sinh năm 1953; bà Lê Thị N, sinh năm 1954; bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1956; anh Trần Văn L1, sinh năm 1980; anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1989 cùng ở xóm T, xã V, huyện K bị thiệt hại.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện K và Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Ninh Bình tiến hành

khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, ghi nhận các thiệt hại về tài sản của gia đình anh Trần Văn C2 và những hộ dân xung quanh. Tại hiện trường phát hiện 01 tử thi nữ giới bị biến dạng, mất 01 cánh tay trái và 01 bàn tay phải; tổ chức dạng phần đùi, cẳng chân và bàn chân trái; 01 cánh tay phải, 01 mảnh xương bả vai; 01 đoạn nội tạng. Mở rộng hiện trường, ngày 09/12/2023 phát hiện thêm 01 phần cánh tay trái và cẳng tay trái; 01 phần đùi và cẳng chân phải; ngày 11/12/2023, phát hiện thêm một phần đầu, cổ, ngực, tay trái và tổ chức da cơ, vùng bụng. Sau khi khám nghiệm tử thi, đã bàn giao cho gia đình để an táng theo quy định của địa phương.

Quá trình điều tra xác định ngoài việc quảng cáo, bán pháo nổ thật trên các gian hàng Tiktok Shop, từ cuối tháng 11/2023 đến ngày 07/12/2023, L còn bàn bạc, thống nhất với Phan Văn S (là anh họ L) làm và bán pháo nổ giả trên mạng xã hội Facebook, cụ thể: L chuyển video hướng dẫn cách chế tạo pháo thật để S chạy quảng cáo bán hàng trên mạng xã hội Facebook tại các trang Fanpage "Phao banh Tết 2024"; "Phao banh Tết"; "Phao bi Tết". Khi có người mua hàng, L sẽ trực tiếp trả lời, thống nhất giá với khách hàng, sau đó L và S sẽ trực tiếp đóng gói hàng tại nhà S ở xóm P, xã K, huyện K, tạo đơn hàng thông qua tài khoản J&T express của Phan Văn S mở tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV C6 - Chi nhánh B và sử dụng dịch vụ chuyển phát nhanh J&T express để giao nhận hàng. Để tránh sự phát hiện, kiểm tra, xử lý của các cơ quan chức năng, thông tin hàng hóa được L và S ghi trên các vận đơn là "50 bi ve tết"; "50 Viên bi ve tết", "20 bi ve tết"... Sau khi giao hàng thành công, J&T B sẽ nhận tiền của người mua hàng và chuyển vào tài khoản của Phan Văn S mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần N10. L và S thống nhất hàng tháng sẽ cộng tổng số tiền thu lợi từ việc bán pháo giả rồi chia nhau. L và S bán thuốc pháo nổ giả và các chi tiết chế tạo pháo theo 03 combo giống như bán pháo thật, thay thuốc pháo bằng bột xi măng. Từ ngày 28/11/2023 đến ngày 07/12/2023, L và S đã xuất tổng số 762 đơn hàng bán pháo giả, trong đó có 459 đơn hàng đã chuyển phát thành công. Từ ngày 01/12/2023 đến ngày 15/12/2023, Công ty TNHH MTV C6 - Chi nhánh B đã 07 lần chuyển tiền vào tài khoản của Phan Văn S để thanh toán các vận đơn giao thành công với tổng số tiền là 106.765.187 đồng.

- Thu giữ tại hiện trường: 01 xe môtô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, BKS: 35K1-596.76; 01 màn hình máy vi tính nhãn hiệu ViewSonic VX2409 24inch, 01 case máy tính không có nhãn hiệu; 01 màn hình máy vi tính nhãn hiệu Dell, số seri CN-04D8R9-TV200-05R-01AL-A02, 01 CPU máy tính không có nhãn hiệu, 01 bàn phím máy vi tính màu trắng, số seri 21534938, 01 chuột máy tính màu đen, số seri 2051LZM81EP8; 01 máy in Xprinter màu trắng, model XP470B; 03 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng, nhãn hiệu OPPO màu trắng, nhãn hiệu Nokia màu xanh; 48 sợi dây màu xanh dài 30cm, 24 mảnh nhựa hình cầu mỗi mảnh gắn 01 đoạn

dây màu xanh dài từ 05 đến 07cm; 85 thẻ cảm ơn và hướng dẫn sử dụng có cùng KT(4,9x8,9)cm; 01 máy khoan cầm tay màu vàng-đen; 01 súng bắn keo nến; 07 thanh keo nến; 01 quyển sổ cầm tay gáy lò xo KT(10,5x7,3)cm có 56 trang cả bìa đã sử dụng; 01 cuộn băng dính màu đen đường kính 5,1cm, bản rộng 1,7cm; 01 cân điện tử màu trắng bạc nhãn hiệu Kitchen Scale; 01 căn cước công dân mang tên Lương Thị G; 33 vật thể hình cầu.

Nguyễn Văn L giao nộp: 01 áo phông cộc tay màu tím than, 01 áo khoác bò có mũ màu xanh-trắng, 01 quần vải màu đen;

Phan Văn S giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu đen lắp sim số 0988.369.854.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn L thu giữ 1806 khẩu súng đồ chơi các loại; 05 vòng tròn bằng nhựa màu đỏ, kích thước giống nhau, đường kính 2cm; Thu giữ tại nơi ở của Phan Văn S: 02 hộp catton, mỗi hộp có KT(15x13x17)cm, trong mỗi hộp đựng bốn tập giấy màu trắng được đựng trong túi nilon KT(13x6x8)cm, tổng khối lượng 4,5kg và 01 máy in vận đơn màu trắng, KT(20x8x9)cm; trên phần vỏ nhựa màu vàng nghệ có khắc dòng chữ "Label thermal printer", phần kim loại phía trong có in "IP:B6240871".

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Y chuyển đến 5,7kg các quả hình tròn và các nửa hình tròn bằng nhựa nhiều màu sắc có gắn đầu dây màu xanh; 15 gói chất bột màu xám tổng khối lượng 2,37kg, 46 hộp bìa catton các loại và các túi nilon có dán nhãn của bưu cục J&T; 01 kiện hàng mã 855800632961 phía ngoài kiện hàng được bọc giấy nilon màu xanh của bưu cục J&T huyện Y, tỉnh Ninh Bình do bà Phạm Thị L3 sinh năm 1965 trú tại xóm F V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình giao nộp.

Tại bản kết luận giám định số 940/KL-KTHS-ChN ngày 13/12/2023; số 78/KL-KTHS-ChN ngày 29/12/2023; số 224/KL-KTHS-ChN ngày 30/01/2024 của Phòng Kỹ thuậy hình sự Công an tỉnh Ninh Bình xác định: tâm nổ là 03 vị trí vết lõm trên nền khu vực bếp của gia đình ông Trần Văn C2; các mẫu dị vật thu tại hiện trường đều tìm thấy dấu vết của thuốc pháo nổ; loại hóa chất gây nổ là thuốc pháo nổ; không đủ cơ sở để kết luận nguyên nhân (hoặc yếu tố kích thích) làm nổ thuốc pháo nổ đã xác định ở trên; 33 vật thể hình cầu bằng nhựa thu ở hiện trường đều là pháo, loại pháo nổ, có tổng khối lượng là 0,13kg. 48 đoạn dây màu xanh và 24 mảnh nhựa hình bán cầu có gắn đoạn dây màu xanh là phụ kiện dùng để chế tạo, sản xuất pháo nổ bằng phương pháp thủ công (đoạn dây màu xanh dùng làm ngòi pháo, mảnh nhựa hình bán cầu dùng làm vỏ quả pháo nổ); Tổng khối lượng của 48 đoạn dây ngòi pháo và 24 mảnh nhựa có gắn đoạn dây ngòi pháo gửi giám định là 73gam. Các vật bằng nhựa hình bán cầu có màu sắc xanh, đỏ, vàng gửi giám định là phụ kiện dùng để sản xuất, chế tạo pháo nổ (dùng làm vỏ pháo nổ). Hỗn hợp chất bột màu xám trong mẫu

gửi giám định là xi măng (không phải là thuốc pháo nổ hay tiền chất dùng để sản xuất, chế tạo thuốc pháo nổ).

Tại kết luận giám định tử thi số 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117/KLGĐTT-KTHS cùng ngày 05/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Ninh bình kết luận: Tử thi phát hiện trên hiện trường là tử thi Lương Thị G, nguyên nhân chết là đa chấn thương toàn thân do tác động của sóng nổ. Phần tổ chức cơ thể người gồm đùi, cẳng chân và bàn chân trái; tổ chức gân cơ và xương bả vai - cánh tay phải; tổ chức phủ tạng là một phần của tử thi Mai Thị X. Phần cánh tay trái và cẳng tay trái là một phần của tử thi Lương Thị G. Một phần đùi và cẳng chân phải, phần đầu, cổ, ngực, tay trái và phủ tạng là của tử thi Mai Thị X, nguyên nhân chết là đa chấn thương toàn thân do tác động của sóng nổ.

Tại Kết luận giám định hóa pháp số 1704/PY-XNĐH ngày 14/12/2023; Kết luận giám định mô bệnh học số 417, 418, 419, 420/KLMBH-PY cùng ngày 26/12/2023 của Viện pháp y Quân đội - Cục Quân y kết luận: Tử thi và một số bộ phận cơ thể người ở hiện trường không tìm thấy Ethanol (cồn), các chất ma túy, các chất độc trong mẫu vật gửi giám định. Hình ảnh đụng dập, chảy máu tim, gan, phổi; tổn thương da do nhiệt. Hình ảnh tổn thương da do nhiệt; chảy máu tổ chức xung quanh thực quản. Hình ảnh tổn thương da, tổ chức dưới da, cơ do nhiệt. Hình ảnh thoái hóa đông mô gan; chảy máu mô phổi, lách, lưỡi; có máu trong khoang tử cung.

Tại các Kết luận định giá tài sản số 39 ngày 29/12/2023, số 40, 41 và 42 ngày 30/12/2023, số 43, 44 và 45/KLĐG ngày 31/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân huyện K kết luận: Thiệt hại tài sản của gia đình các ông, bà Trần Văn T2 là 43.469.000 đồng; Đinh Văn T4 là 1.000.000 đồng; Lê Thị N là 11.991.000 đồng; Nguyễn Thị C3 là 12.794.000 đồng; Trần Văn L1 là 9.981.000 đồng; Nguyễn Văn T3 là 325.000 đồng và gia đình anh Trần Văn C2 là 217.162.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 296.722.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 585/KL-KTHS-SĐ ngày 01/7/2024 của Phòng Kỹ thuậy hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Những mẫu vật thu giữ tại nhà Nguyễn Văn L có hình dạng khẩu súng ngắn là súng gây nổ, thuộc đồ chơi nguy hiểm và không phải là vũ khí.

Ngày 30/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K ra Quyết định trưng cầu giám định số 600/QĐ-ĐTTH xác định tỷ lệ % sức khỏe bị tổn hại của cháu Phan Hoàng P6 nhưng người đại diện theo pháp luật của cháu P6 là anh Phan Văn C1 sinh năm 1993 trú tại xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (bố đẻ cháu P6) đã có đơn từ chối giám định và không có ý kiến, đề nghị gì đối với thương tích của cháu P6.

Bản cáo trạng số 51/CT-VKS-KS ngày 15/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc hành chính" theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Bộ luật Hình sự; tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 180 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phan Văn S về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố:

1. Tội danh và mức hình phạt.

1.1. Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc hành chính". Áp dụng khoản 2 Điều 129; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

+ Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

+ Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 180; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; điểm b khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù. Buộc bị cáo phải chấp hành 03 tháng đến 04 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 tội là từ 08 năm 09 tháng tù đến 09 năm 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 07/12/2023.

1.2. Bị cáo Phan Văn S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 27 tháng đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 54 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 591, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường về chi phí mai táng phí mà đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Văn L đã bồi thường cho gia đình chị Mai Thị X số tiền

80.000.000 đồng; gia đình chị Lương Thị G số tiền 80.000.000 đồng và bồi thường về thiệt hại tài sản cho gia đình anh Trần Văn C2 số tiền 30.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn L còn phải tiếp tục bồi thường cho các bị hại, cụ thể như sau:

+ Bồi thường tổn thất về tinh thần và tiền cấp dưỡng nuôi con một lần cho đại diện gia đình chị Mai Thị X, tổng số tiền là 400.000.000 đồng;

+ Bồi thường tổn thất về tinh thần và tiền cấp dưỡng nuôi con một lần cho đại diện gia đình chị Lương Thị G, tổng số tiền là 400.000.000 đồng;

+ Bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình anh Trần Văn C2 số tiền 217.162.000 đồng, đại diện gia đình bị cáo đã bồi thường được số tiền 30.000.000 đồng, buộc bị cáo còn phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình anh C2 số tiền 187.162.000 đồng.

+ Bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình ông Trần Văn T2 số tiền 43.469.000 đồng.

+ Bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình bà Lê Thị N số tiền 11.991.000 đồng.

+ Bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình bà Nguyễn Thị C3 số tiền 12.794.000 đồng.

+ Bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình anh Trần Văn L1 số tiền 9.981.000 đồng.

Như vậy, tổng các khoản bị cáo còn phải bồi thường là 1.065.397.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 súng bắn keo nến, 07 thanh keo nến, 01 quyển sổ cầm tay, 01 cuộn băng dính màu đen, 02 hộp catton bên trong mỗi hộp có bốn tập giấy màu trắng được đựng trong túi ni lông, 05 vòng tròn bằng nhựa, 46 hộp bìa catton các loại và các túi nilon, 01 kiện hàng, 01 áo phông, 01 áo khoác, 01 quần vải; Các vật chứng còn lại sau giám định gồm 01 bao tải bên trong có các vật hình cầu dùng làm vỏ pháo nổ có tổng khối lượng 5,781kg, 13 túi nilon đựng chất bột xi măng còn lại sau giám định có tổng khối lượng 1,883kg; 30 đoạn dây ngòi pháo; 19 mảnh nhựa có gắn đoạn dây ngòi pháo có tổng khối lượng 50gam; 30 quả pháo nổ có tổng khối lượng là 0,117kg; 85 thẻ cảm ơn và hướng dẫn sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu đen thu giữ của bị cáo S; 02 màn hình máy vi tính, 01 case máy tính, 01 CPU máy tính, 01 bàn phím máy vi tính, 01 chuột máy tính màu đen, 01 máy in; 01 máy khoan cầm tay; 01 cân điện tử; 01 máy in vận đơn màu trắng và 03 ổ cứng máy vi tính.

Trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án,

Trả lại cho đại diện gia đình chị Lương Thị G 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO vỏ màu vàng.

Trả lại cho đại diện gia đình chị Mai Thị X 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO vỏ màu trắng.

Tịch thu bị cáo Phan Văn S số tiền 106.765.187 đồng. Bị cáo đã tự nguyện nộp được số tiền 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K và số tiền 34.345.001 đồng trong tài khoản số 0821000107801 của bị cáo mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần N10 theo Lệnh phong tỏa số 02/LPT-ĐTTH ngày 21/12/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K. Còn phải tịch thu tiếp bị cáo Phan Văn S số tiền 52.420.186 đồng (làm tròn thành 52.420.000 đồng) để sung ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Án phí hình sự sơ thẩm: buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại số tiền 1.065.397.000 đồng, bị cáo L phải chịu 43.961.910 đồng, (làm tròn 43.962.000 đồng) án phí dân sự sư thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo L, Luật sư Phạm Tiến M3 trình bày: bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử ngày hôm này là đúng, nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo có hành vi phạm tội là do bị cáo thiếu hiểu biết, bị cáo tuổi đời còn trẻ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xem xét xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo, đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về cùng gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi nêu trên và không có ý kiến gì khác. Luật sư bào chữa cho bị cáo L; các bị cáo; bị hại; đại diện của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử

xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và gửi lời xin lỗi đến bị hại; đại diện của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, tội danh và điều luật áp dụng: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với bản cáo trạng và phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như: Đơn đầu thú; biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản khám nghiệm tử thi, lời khai của những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; lời khai của người làm chứng; lời khai của người chứng kiến; Kết luận giám định hóa pháp số 1704/PY-XNĐH ngày 14/12/2023; Kết luận giám định mô bệnh học số 417, 418, 419, 420/KLMBH-PY cùng ngày 26/12/2023 của Viện pháp y Quân đội – Cục Quân y; các Kết luận định giá tài sản số 39 ngày 29/12/2023, số 40, 41 và 42 ngày 30/12/2023, số 43, 44 và 45/KLĐG ngày 31/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân huyện K và còn được chứng minh qua các sao kê giao dịch thu giữ tại Công ty TNHH MTV C6 - Chi nhánh B và các bản sao kê tại ngân hàng, đã có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Văn L là người không được cấp phép sản xuất pháo nổ theo quy định, biết việc tàng trữ thuốc pháo nổ là trái pháp luật, nguy hiểm có thể dẫn đến hậu quả chết người. Bị cáo L đã mua thuốc pháo nổ và các phụ kiện dùng để sản xuất pháo nổ trên mạng xã hội Facebook và thuê các chị Lương Thị G và Mai Thị X thực hiện việc chia thuốc pháo nổ vào các túi zip, gắn dây cháy chậm vào vỏ pháo, đóng gói hàng vào các hộp bìa catton để bán kiếm lời. Khoảng 17 giờ ngày 07/12/2023 tại nhà anh Trần Văn C2 (nơi L thuê nhà) thuộc xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình, trong quá trình chị X và chị G sản xuất pháo, do không đảm bảo an toàn nên đã xảy ra cháy, nổ. Hậu quả: chị X và chị G bị tử vong, cháu Phan Hoàng P6 bị thương; gia đình anh C2 và những hộ xung quanh bị thiệt hại về tài sản có tổng giá trị là 296.722.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ quy tắc hành chính đối với lĩnh vực mình làm dẫn đến hậu quả chết người. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nhưng do cẩu thả, quá tự tin mà bị cáo vẫn thực hiện, đã xâm phạm đến tính mạng của người khác hậu quả làm 02 người chết. Ngoài ra, gây thiệt hại về tài sản của người khác với tổng giá trị thiệt hại 296.722.000 đồng, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "Vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc hành chính" thuộc trường hợp "làm chết 02 người trở lên" quy định tại

khoản 2 Điều 129 Bộ luật Hình sự và tội "Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản" thuộc trường hợp "tài sản trị giá từ 100.000.000đồng đến dưới 500.000.000đồng" quy tại khoản 1 Điều 180 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, từ cuối tháng 11/2023 đến ngày 07/12/2023, tại nhà của bị cáo Phan Văn S ở xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Bị cáo Nguyễn Văn L là người khởi xướng ra việc bán pháo nổ giả bằng bột xi măng trên mạng xã hội Facebook cùng với bị cáo Phan Văn S để kiếm lời. Để tạo niềm tin của khách hàng, bị cáo L đã có hành vi gian dối bằng cách trực tiếp quay video hướng dẫn cách thức chế tạo pháo nổ thật để người mua tin tưởng. Bị cáo Phan Văn S có hành vi đăng tải video quảng cáo cách thức chế tạo pháo nổ thật mà bị cáo L đã quay video trước đó lên mạng xã hội Facebook nhằm mục đích bán hàng pháo hoa nổ thật, nhưng thực tế thì bị cáo S đã cùng với bị cáo L làm pháo giả để bán cho người khác; khi có khách hàng đặt mua pháo, bị cáo S tạo các đơn hàng thông qua tài khoản J&T express của mình mở tại Công ty TNHH MTV C6 - Chi nhánh B để bán cho người mua, bị cáo L và bị cáo S đã chiếm đoạt của khách mua pháo giả với tổng số tiền là 106.765.187 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, hành vi nêu trên của bị cáo L và bị cáo S đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp "chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều 129. Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính.

"1. Người nào vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội làm chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

..."

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

c, Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

..."

Điều 180. Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản

"1. Người nào vô ý gây thiệt hại cho tài sản của người khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt cảnh cáo hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.

..."

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: đây và vụ án có 02 bị cáo tham gia nhưng là vụ án đồng phạm giản đơn nên khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất, vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L: bị cáo không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: đối với tội "Vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc hành chính" và tội "Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản" thì sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại. Bản thân bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa các bị hại và đại diện theo pháp luật của các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Phan Văn S: bị cáo không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi đối chiếu về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nguyên nhân và điều kiện phạm tội của từng bị cáo, thì hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn L là rất nghiêm trọng; trong tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" bị cáo còn là người khởi sướng, chủ mưu, rủ rê người khác cùng phạm tội, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật bằng hình phạt tù có thời hạn mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân biết tuân thủ pháp luật, đồng thời có tác dụng dăn đe, phòng ngừa chung.

Còn đối với bị cáo Phan Văn S là người bị rủ rê vào việc phạm tội, thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo của bị cáo Nguyễn Văn L. Trong vụ án bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng

cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật bằng hình phạt tù. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, là đồng phạm với vai trò thứ yếu đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Xét thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng giúp bị cáo nhìn nhận ra lỗi lầm của mình, để sửa chữa trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự.

Đối với cháu Phan Hoàng P6, do bị thương tích nhẹ. Người đại diện theo pháp luật của cháu là anh Phan Văn C1 có đơn từ chối giám định và không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với gia đình ông Đinh Văn T4 và gia đình anh Nguyễn Văn T3. Do thiệt hại không lớn, quá trình điều tra và tại phiên tòa ông T4 và anh T3 không yêu cầu bị cáo L phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện của họ, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình điều tra, đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Văn L đã tự nguyện bồi thường cho gia đình chị Mai Thị X và gia đình chị Lương Thị G mỗi gia đình 80.000.000 đồng là tiền mai táng phí; đồng thời bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình anh Trần Văn C2 số tiền 30.000.000 đồng thay cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại. Bị hại và đại diện gia đình bị hại đã nhận, không có ý kiến gì khác. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả của bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên đại diện gia đình bị hại và bị hại đề nghị bị cáo L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, cụ thể như sau:

+ Đại diện gia đình chị Mai Thị X yêu cầu bị cáo L phải bồi thường tiếp về tổn thất về tinh thần và tiền cấp dưỡng nuôi con một lần, tổng số tiền là 400.000.000 đồng;

+ Đại diện gia đình chị Lương Thị G yêu cầu bị cáo L phải bồi thường tiếp về tổn thất về tinh thần và tiền cấp dưỡng nuôi con một lần, tổng số tiền là 400.000.000 đồng;

+ Gia đình anh Trần Văn C2 yêu cầu bị cáo L phải bồi thường số tiền 217.162.000 đồng, theo kết luận định giá. Đại diện gia đình bị cáo đã bồi thường được số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp thiệt hại về tài sản cho gia đình anh C2 số tiền 187.162.000 đồng.

+ Gia đình ông Trần Văn T2 yêu cầu bị cáo L phải bồi thường số tiền 43.469.000 đồng, theo kết luận định giá.

+ Gia đình bà Lê Thị N yêu cầu bị cáo L phải bồi thường số tiền 11.991.000 đồng, theo kết luận định giá.

+ Gia đình bà Nguyễn Thị C3 yêu cầu bị cáo L phải bồi thường số tiền 12.794.000 đồng, theo kết luận định giá.

+ Gia đình anh Trần Văn L1 yêu cầu bị cáo L phải bồi thường số tiền 9.981.000 đồng, theo kết luận định giá.

Tại phiên tòa, bị cáo L và đại diện gia đình bị hại, bị hại thống nhất, thỏa thuận được với nhau về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và số tiền bồi thường thiệt hại. Do đó, căn cứ Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 591, 357, 468 Bộ luật Dân sự cần ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo L và đại diện gia đình bị hại, bị hại về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và số tiền bồi thường, cụ thể như sau: Bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường thiệt về tổn thất về tinh thần và tiền cấp dưỡng nuôi con một lần cho đại diện gia đình chị Mai Thị X và đại diện gia đình chị Lương Thị G mỗi người gia đình số tiền 400.000.000 đồng. Bồi thường về thiệt hại tài sản cho gia đình anh Trần Văn C2 số tiền 187.162.000 đồng; gia đình ông Trần Văn T2 số tiền 43.469.000 đồng; gia đình bà Lê Thị N số tiền 11.991.000 đồng; gia đình bà Nguyễn Thị C3 số tiền 12.794.000 đồng và gia đình anh Trần Văn L1 số tiền 9.981.000 đồng.

Đối với những người mua pháo của bị cáo L và bị cáo S, Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra. Trong đó 69 người xác định được danh tính, quá trình làm việc họ không có yêu cầu, đề nghị gì. Mặt khác, số tiền đó họ sử dụng vào việc phạm pháp cần phải tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[5] Về các vấn đề khác:

Trong vụ án này, Nguyễn Văn L khai 03 lần mua 0,5kg, 20kg và 10kg thuốc pháo nổ và các phụ kiện để chế tạo pháo. Sau vụ nổ, các dị vật thu tại hiện trường đều tìm thấy dấu vết của thuốc pháo nổ; loại hóa chất gây nổ là thuốc pháo nổ nhưng không đủ cơ sở để kết luận nguyên nhân (hoặc yếu tố kích thích) làm nổ thuốc pháo nổ đã xác định. Cơ quan Công an thu giữ của L 0,13gam thuốc pháo nổ (dưới 06 kg) 48 đoạn dây ngòi pháo và một số phụ kiện sản xuất pháo (như nêu trên) để bán, do đó hành vi của Nguyễn Văn L không đủ yếu tố cấu thành tội "Sản xuất, buôn bán hàng cấm" quy định tại Điều 190 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra - Công an huyện K đã chuyển toàn bộ tài liệu và vật chứng liên quan đến Công an huyện K để xử lý vật chứng và xử phạt hành chính đối với L là đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi Nguyễn Văn L tàng trữ 1806 khẩu súng nhựa là đồ chơi nguy hiểm. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản, nhưng Hội đồng định giá không định giá được giá trị của 1806 khẩu súng nhựa là đồ chơi do vượt quá khả năng hiểu hiết của Hội đồng định giá. Theo Nguyễn Văn L khai nhận thì giá trị

của mỗi khẩu súng thấp chỉ từ 2.000 đồng đến 10.000 đồng/khẩu, như vậy giá trị không lớn (dưới 100.000.000 đồng). Do đó, Cơ quan điều tra - Công an huyện K đã chuyển toàn bộ tài liệu và vật chứng liên quan đến Công an huyện K để xử lý vật chứng và xử phạt hành chính đối với L là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chị Mai Thị X và Lương Thị G có hành vi giúp sức cho Nguyễn Văn L sản xuất hàng cấm, tuy nhiên hai chị đã tử vong nên không xem xét xử lý.

Đối với ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị C (bố, mẹ đẻ L) được L nhờ gắn dây cháy chậm vào vỏ pháo và biết L tàng trữ súng nhựa là đồ chơi nguy hiểm tại nơi ở. Tuy nhiên, ông bà không biết mục đích, không bàn bạc với L và cũng không được hưởng lợi từ việc "Sản xuất, buôn bán hàng cấm". Do vậy Cơ quan điều tra - Công an huyện K nhắc nhở, rút kinh nghiệm là phù hợp.

Đối với những người đã mua pháo của bị cáo L và bị cáo S. Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra cho Công an các tỉnh. Kết quả ủy thác có 69 người liên hệ được để làm việc, còn lại không xác định được đối tượng. Quá trình làm việc những người này xác nhận có mua pháo nhưng không biết mua của ai, sau khi nhận pháo phát hiện pháo giả nên đã vứt đi. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với Công ty C6 – Chi nhánh B và nhân viên giao nhận hàng thuộc Bưu cục K8, huyện K trong việc giao nhận bưu phẩm, giao nhận hàng gửi không kiểm tra hàng do khách hàng gửi là thực hiện chưa đúng quy trình về giao nhận hàng để đối tượng Phan Văn S lợi dụng gửi các mặt hàng cấm lưu hành bằng dịch vụ chuyển hàng của công ty. Do đó, cần kiến nghị Công ty C6 - Chi nhánh B cần quán triệt, quản lý chặt chẽ quá trình kiểm tra hàng trước khi giao nhận hàng.

[5] Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, BKS: 35K1-596.76 và thẻ Căn cước công dân mang tên Lương Thị G. Quá trình điều tra xác định chiếc xe nói trên là tài sản của chị Lương Thị G, không liên quan đến việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại Căn cước công dân và chiếc xe cho Phan Văn C1 (chồng chị G) là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 1806 khẩu súng đồ chơi các loại thu giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn L. Quá trình điều tra xác định L tàng trữ với mục đích để bán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K đã chuyển số vật chứng trên cùng tài liệu liên quan đến Công an huyện K để xử phạt hành chính và xử lý số vật chứng nói trên là đúng quy định.

Đối với các vật chứng liên quan đến pháo nổ, vật liệu nổ theo Lệnh nhập kho vật chứng ngày 20/6/2024 giữa Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Ninh Bình và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Ninh Bình, gồm 01 túi niêm phong bên trong có 30 đoạn dây ngòi pháo và 19 mảnh nhựa có gắn đoạn dây ngòi pháo có tổng khối lượng 50gam;

01 hộp niêm phong bên trong có 30 quả pháo nổ có tổng khối lượng là 0,117kg; 01 bao tải có khối lượng 5,781kg bên trong có các vật hình cầu nhiều màu sắc. Cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 súng bắn keo nến, 07 thanh keo nến, 01 quyển sổ cầm tay, 01 cuộn băng dính màu đen, 02 hộp catton bên trong mỗi hộp có bốn tập giấy màu trắng được đựng trong túi ni lông, 05 vòng tròn bằng nhựa, 46 hộp bìa catton các loại và các túi nilon, 01 kiện hàng, 01 áo phông, 01 áo khoác, 01 quần vải, 13 túi nilon đựng chất bột xi măng còn lại sau giám định có tổng khối lượng 1,883kg; 85 thẻ cảm ơn và hướng dẫn sử dụng. Đây là phương tiện, công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu đen thu giữ của bị cáo S; 02 màn hình máy vi tính, 01 case máy tính, 01 CPU máy tính, 01 bàn phím máy vi tính, 01 chuột máy tính màu đen, 01 máy in; 01 máy khoan cầm tay; 01 cân điện tử; 01 máy in vận đơn màu trắng và 03 ổ cứng thu giữ của các bị cáo. Đây là phương tiện, công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, do còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh thu giữ của bị cáo L. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc điện thoại nói trên không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu vàng và 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng thu giữ tại hiện trường. Quá trình điều tra xác định 02 chiếc điện thoại nói trên là của chị Lương Thị G và chị Mai Thị X, không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo, nên cần trả lại cho đại diện gia đình chị G và chị X.

Quá trình điều tra xác định trong thời gian từ cuối tháng 11/2023 đến ngày 07/12/2023 bị cáo S và bị cáo L đã lừa đảo bán hàng giả chiếm đoạt của người khác số tiền 106.765.187 đồng, số tiền này bị cáo S đang quản lý. Ngày 21/12/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Lệnh phong tỏa số 02/LPT-ĐTTH, phong tỏa số tiền 34.345.001 đồng trong tài khoản số 0821000107801 của Phan Văn S mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần N10 có liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 04/9/2024 bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo phiếu thu số 0002400 là tiền thu lợi bất chính. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính bị cáo S còn đang quản lý là 52.420.186 đồng, cần phải tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra

và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại số tiền 1.065.397.000 đồng, bị cáo L phải chịu 43.961.910 đồng án phí dân sự sư thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt.

1.1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc hành chính". Căn cứ vào khoản 2 Điều 129; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 03 (ba) năm tù.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản". Căn cứ khoản 1 Điều 180; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; điểm b khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù. Buộc bị cáo phải chấp hành 03 (ba) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 tội là 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 07/12/2023.

1.2. Tuyên bố bị cáo Phan Văn S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn S 27 (hai mươi bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 54 (năm mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 11/9/2024.

Giao bị cáo Phan Văn S cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 591, 357, 468 Bộ luật Dân sự.

- Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường về chi phí mai táng phí mà đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Văn L đã bồi thường cho gia đình chị Mai Thị X số tiền 80.000.000 đồng; gia đình chị Lương Thị G số tiền 80.000.000 đồng và bồi thường về thiệt hại tài sản cho gia đình anh Trần Văn C2 số tiền 30.000.000 đồng.

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Nguyễn Văn L và các bị hại, người đại diện của bị hại về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và số tiền bồi thường thiệt hại, cụ thể như sau:

+ Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần và tiền cấp dưỡng nuôi con một lần cho đại diện gia đình chị Mai Thị X, tổng số tiền là 400.000.000 đồng;

+ Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần và tiền cấp dưỡng nuôi con một lần cho đại diện gia đình chị Lương Thị G, tổng số tiền là 400.000.000 đồng;

+ Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường tiếp thiệt hại về tài sản cho gia đình anh Trần Văn C2 số tiền 187.162.000 đồng.

+ Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình ông Trần Văn T2 số tiền 43.469.000 đồng.

+ Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình bà Lê Thị N số tiền 11.991.000 đồng.

+ Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình bà Nguyễn Thị C3 số tiền 12.794.000 đồng.

+ Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình anh Trần Văn L1 số tiền 9.981.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án

tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 súng bắn keo nến, 07 thanh keo nến, 01 quyển sổ cầm tay, 01 cuộn băng dính màu đen, 02 hộp catton bên trong mỗi hộp có bốn tập giấy màu trắng được đựng trong túi ni lông, 05 vòng tròn bằng nhựa, 46 hộp bìa catton các loại và các túi nilon, 01 kiện hàng, 01 áo phông, 01 áo khoác, 01 quần vải, 13 túi nilon đựng chất bột xi măng còn lại sau giám định có tổng khối lượng 1,883kg; 85 thẻ cảm ơn và hướng dẫn sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 túi niêm phong bên trong có 30 đoạn dây ngòi pháo và 19 mảnh nhựa có gắn đoạn dây ngòi pháo có tổng khối lượng 50gam; 01 hộp niêm phong bên trong có 30 quả pháo nổ có tổng khối lượng là 0,117kg; 01 bao tải có khối lượng 5,781kg bên trong có các vật hình cầu nhiều màu sắc.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu đen; 02 màn hình máy vi tính, 01 case máy tính, 01 CPU máy tính, 01 bàn phím máy vi tính, 01 chuột máy tính màu đen, 01 máy in; 01 máy khoan cầm tay; 01 cân điện tử; 01 máy in vận đơn màu trắng và 03 ổ cứng.

Tịch thu bị cáo Phan Văn S số tiền 106.765.187 đồng. Bị cáo đã nộp được số tiền 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo phiếu thu số 0002400 và số tiền 34.345.001 đồng trong tài khoản số 0821000107801 của bị cáo mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần N10 theo Lệnh phong tỏa số 02/LPT-ĐTTH ngày 21/12/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K. Còn phải tịch thu tiếp bị cáo Phan Văn S số tiền 52.420.186 đồng (làm tròn thành 52.420.000 đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Trả lại anh Trần Văn T1 cho đại diện bị hại chị Mai Thị X 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng.

Trả lại anh Phan Văn C1 cho đại diện bị hại chị Lương Thị G 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu vàng.

(Chi tiết như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/8/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K và Lệnh nhập kho vật chứng ngày 20/6/2024 giữa Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh N và Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh N).

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

4.1. Về án phí hình sự sơ thẩm: buộc bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Phan Văn S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 43.961.910 đồng (làm tròn thành 43.962.000 đồng) án phí dân sự sư thẩm.

Bị cáo; Bị hại; Người đại diện theo pháp luật của người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an huyện K;
- THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Bị hại; đại diện bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng